

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/KDTM-ST
Ngày: 25 tháng 3 năm 2025
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt và bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1211/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (sau đây được viết tắt là P); địa chỉ trụ sở chính: Số B, N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số B, L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tiến Đ, sinh năm 1978. Chức vụ: Phó Giám đốc Quản lý khách hàng khu vực T và bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1992. Chức vụ: Chuyên viên tổ tụng; cùng địa chỉ: Lầu F, A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị P và Giấy ủy quyền số 5479/QĐ-PVB ngày 28/10/2024 của Phó Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P; ông Đ vắng mặt, bà D có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thu B, sinh năm 1959;

2.2. Ông Hà Quang H, sinh năm 1956;

Cùng cư trú: Số B, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; bà B, ông H vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Hà Thúy D1, sinh năm 1980; cư trú: Số E, đường Y, Tổ B, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 1979; cư trú: Số B, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Vào ngày 17/3/2022, P – Chi nhánh A – Phòng G và bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H đã ký kết Hợp đồng hạn mức cho vay số 062/2022/HĐHM/PVB-CN.LX cùng khế ước nhận nợ. Theo đó, Phòng G cho bà B, ông H vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (khế ước nhận nợ 06 tháng), mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh lúa gạo, lãi suất trong hạn cố định là 10.8%/năm từ ngày 21/9/2022 đến ngày 20/12/2022; từ ngày 21/12/2022 đến hết thời hạn vay: lãi suất cho vay = LSCB + Biên độ 3%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả 10%/năm tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; hình thức thanh toán trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/10/2022.

Để đảm bảo khoản vay nêu trên, bà Hà Thúy D1 và ông Nguyễn Hoàng Anh T đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 061/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 17/3/2022 giữa Phòng G với bà D1, ông T được Phòng G chứng nhận, tài sản đảm bảo gồm:

Quyền sử dụng đất diện tích 160m² thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 23, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị và tài sản gắn liền với đất là 02 căn nhà ở (nhà 1: diện tích chiếm đất 61,4m², diện tích sàn 123,3m², cấp/hạng: loại 2.2; nhà 2: diện tích chiếm đất 25,8m², diện tích sàn 25,8m², cấp/hạng: loại 3.2), tọa lạc phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03267 ngày 20/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho người sử dụng đất ông Phan Lạc Thanh T1; đã được Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh L cập nhật chỉnh lý biến động xác nhận chuyển nhượng cho bà Hà Thúy D1 vào ngày 21/01/2022 tại Trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

P đã giải ngân cho bà B, ông H số nợ vay 1.200.000.000 đồng vào ngày 21/9/2022 theo khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B, ông H không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu. Tính đến ngày 12/9/2024, bà B, ông H chỉ thanh toán được nợ gốc 23.415 đồng, nợ lãi 60.674.348 đồng.

P đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu bà B, ông H trả nợ và yêu cầu bà D1, ông T bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý theo đúng quy định nhưng các ông, bà vẫn không thực hiện theo yêu cầu.

Vì vậy, P yêu cầu bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H thanh toán cho P với số tiền tạm tính đến hết ngày 12/9/2024 là 1.558.580.590 đồng; trong đó, dư nợ gốc là 1.199.976.585 đồng, dư nợ lãi là 358.604.005 đồng và nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại hợp đồng hạn mức cho vay số: 062/2022/HĐHM/PVB-CN.LX ngày 17/3/2022, kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi trả hết nợ cho P.

Trường hợp, bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo của bà Hà Thúy D1 và ông Nguyễn Hoàng Anh T theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà B, ông H cho P. Trường hợp, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho P thì bà B, ông H vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P.

- Bị đơn bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thúy D1 và ông Nguyễn Hoàng Anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H trả cho P số nợ tạm tính đến hết ngày 25/3/2025 là 1.683.495.960 đồng (trong đó, nợ gốc 1.199.976.585 đồng, nợ lãi trong hạn 10.257.534 đồng, lãi quá hạn 471.196.286 đồng, lãi chậm trả 2.065.555 đồng); tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng hạn mức cho vay số: 062/2022/HĐHM/PVB-CN.LX ngày 17/3/2022, kể từ ngày 26/3/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Riêng, các ý kiến, yêu cầu khác giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 119, các Điều 299, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

Buộc bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 tổng số tiền đối với Hợp đồng hạn mức cho vay số: 062/2022/HĐHM/PVB-CN.LX ngày 17/3/2022, tạm tính đến ngày 25/3/2025, bà B và ông H còn nợ 1.683.495.960 đồng; trong đó, nợ gốc: 1.199.976.585 đồng, lãi trong hạn: 10.257.534 đồng, lãi quá hạn: 471.196.286 đồng, lãi chậm trả: 2.065.555 đồng.

Tiếp tục thanh toán lãi phát sinh trên các hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp, đương sự không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 061/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 17/3/2022, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 với bà Hà Thúy D1, ông Nguyễn Hoàng Anh T để thu hồi nợ. Trường hợp, tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 thu hồi nợ thì bà B, ông H vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng và án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về loại án:* Khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, không thể hiện việc bị đơn có đăng ký kinh doanh nên Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Lê Thu B1 có đăng ký kinh doanh. Theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52A8033997, đăng ký lần đầu ngày 09/12/2020, với ngành nghề kinh doanh mua bán lúa gạo, xay xát, gia công. Do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau

và đều có mục đích lợi nhuận cho nên Tòa án xác định lại loại án là vụ án kinh doanh thương mại.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà B, ông H đang cư trú trên địa bàn thành phố L nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng bị đơn bà B, ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D1, ông T vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:*

[4.1] Hợp đồng hạn mức cho vay số: 062/2022/HĐHM/PVB-CN.LX ngày 17/3/2022, giữa P – Chi nhánh A – Phòng G với bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng phía bà B, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn cho P để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, việc P khởi kiện bà B, ông H yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 25/3/2025 là 1.683.495.960 đồng (trong đó, nợ gốc 1.199.976.585 đồng, nợ lãi trong hạn 10.257.534 đồng, lãi quá hạn 471.196.286 đồng, lãi chậm trả 2.065.555 đồng), là phù hợp theo quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Xét chấp nhận yêu cầu của P.

[4.2] *Về yêu cầu tính lãi phát sinh trên số nợ gốc:* Do bà B, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi bà B, ông H thanh toán xong khoản nợ gốc là phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4.3] *Về biện pháp bảo đảm:* Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 061/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 17/3/2022, giữa Phòng P với bà Hà Thúy D1, ông Nguyễn Hoàng Anh T được Phòng G chứng nhận và được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh L ngày 17/3/2022 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với

quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết. Bà D1, ông T thế chấp tài sản nhằm bảo đảm số tiền vay của bà B, ông H nhưng do bà B, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cho nên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của P.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, P đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.200.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của P được chấp nhận nên buộc bà B, ông H có nghĩa vụ hoàn trả chi phí tố tụng cho P số tiền 1.200.000 đồng.

[6] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Do yêu cầu của P được chấp nhận nên bà B, ông H phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn lại cho P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 293, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

Buộc bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 nợ gốc và lãi của khoản vay tính đến hết ngày 25/3/2025 như sau:

- Tiền lãi: 483.519.375 (*bốn trăm tám mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm*) đồng; trong đó, lãi trong hạn 10.257.534 đồng, lãi quá hạn 471.196.286 đồng, lãi chậm trả 2.065.555 đồng;

- Tiền gốc: 1.199.976.585 (*một tỷ một trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi lăm*) đồng;

Kể từ ngày 26/3/2025, cho đến khi thanh toán xong nợ thì bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức cho vay số:

062/2022/HĐHM/PVB-CN.LX ngày 17/3/2022, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 – Chi nhánh A – Phòng G với bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H.

Trường hợp, bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo của bà Hà Thúy D1 và ông Nguyễn Hoàng Anh T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 061/2022/HĐBĐ/PVB-CN.LX ngày 17/3/2022, tài sản thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03267 ngày 20/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho người sử dụng đất ông Phan Lạc Thanh T1; đã được Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh L cập nhật chỉnh lý biến động xác nhận chuyển nhượng cho bà Hà Thúy D1 vào ngày 21/01/2022 tại Trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1. Trường hợp, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 thì bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

2. Buộc bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng.

3. Bà Nguyễn Thu B, ông Hà Quang H phải chịu 62.504.879 (sáu mươi hai triệu năm trăm lẻ bốn nghìn tám trăm bảy mươi chín) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.379.000 (hai mươi chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0001845 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Chân